



**Công ty Cổ phần Thủy điện
A Vương**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018**

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng Nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

3303070337

ngày 20 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4000478435 ngày 19 tháng 7 năm 2016. Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp và các bản sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trám
Ông Cao Huy Bảo
Ông Nguyễn Đình Phúc
Ông Nguyễn Trọng Oánh
Ông Đoàn Ngọc Nam

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 23 tháng 4 năm 2018)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thiện
Ông Phan Công Tuyển
Ông Nguyễn Phước Lễ

Ông Trần Hưng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Thành viên
(đến ngày 23 tháng 4 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Cao Huy Bảo
Ông Ngô Xuân Thế
Ông Nguyễn Đình Phúc

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Thôn Dung, Thị trấn Thạnh Mỹ
Huyện Nam Giang
Tỉnh Quảng Nam
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Báo cáo của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

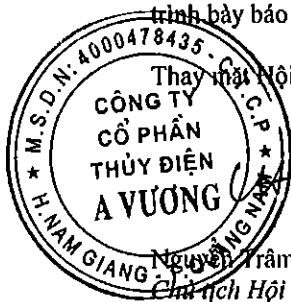
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tôi, Nguyễn Trâm, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt cho Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương, phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Quảng Nam, ngày 13 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

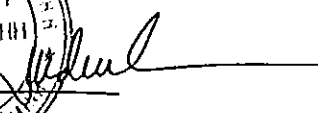
Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý rằng chúng tôi không soát xét báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và các thuyết minh liên quan. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét về các báo cáo này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-01-355-HY




Hà Vũ Định
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		530.809.282.301	410.626.829.043
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	352.606.580.509	299.252.304.891
Tiền	111		6.487.482.963	3.619.144.701
Các khoản tương đương tiền	112		346.119.097.546	295.633.160.190
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		170.285.441.247	104.439.362.982
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	163.351.850.009	103.141.180.408
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.082.240.214	228.979.413
Phải thu ngắn hạn khác	136		5.203.874.417	1.421.726.554
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(352.523.393)	(352.523.393)
Hàng tồn kho	140	8(a)	7.879.006.400	6.608.514.379
Hàng tồn kho	141		7.879.006.400	6.608.514.379
Tài sản ngắn hạn khác	150		38.254.145	326.646.791
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		38.254.145	326.646.791
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.459.287.446.791	1.595.103.000.532
Tài sản cố định	220		1.373.182.718.680	1.505.051.597.213
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.291.205.008.204	1.423.048.951.073
Nguyên giá	222		3.294.202.052.288	3.294.202.052.288
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.002.997.044.084)	(1.871.153.101.215)
Tài sản cố định vô hình	227	10	81.977.710.476	82.002.646.140
Nguyên giá	228		82.503.102.235	82.503.102.235
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(525.391.759)	(500.456.095)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.414.093.651	5.237.025.530
Xây dựng cơ bản dở dang	242		1.414.093.651	5.237.025.530
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	73.288.810.054	73.288.810.054
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		79.800.000.000	79.800.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.511.189.946)	(6.511.189.946)
Tài sản dài hạn khác	260		11.401.824.406	11.525.567.735
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8(b)	11.401.824.406	11.525.567.735
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.990.096.729.092	2.005.729.829.575

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

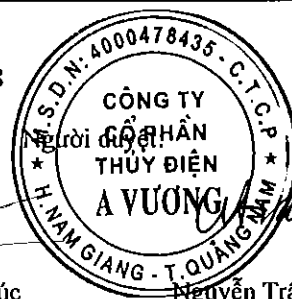
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		649.147.960.133	756.225.605.578
Nợ ngắn hạn	310		375.608.096.013	149.974.593.659
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	3.277.577.958	13.739.581.226
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.273.401.430	1.309.901.460
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13	33.168.699.111	30.314.531.634
Phải trả người lao động	314		9.257.849.760	16.332.035.239
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	57.094.997.959	30.972.537.048
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	3.682.333.521	9.723.934.404
Vay ngắn hạn	320	16	252.911.147.799	39.600.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		335.155.727	597.169.669
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	14.606.932.748	7.384.902.979
Nợ dài hạn	330		273.539.864.120	606.251.011.919
Vay dài hạn	338	16	273.539.864.120	606.251.011.919
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.340.948.768.959	1.249.504.223.997
Vốn chủ sở hữu	410	18	1.340.948.768.959	1.249.504.223.997
Vốn cổ phần	411	19	750.520.520.000	750.520.520.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		750.520.520.000	750.520.520.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		28.811.921.097	28.811.921.097
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	29.882.450.295	20.991.770.327
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		531.733.877.567	449.180.012.573
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		347.015.177.280	165.917.184.137
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		184.718.700.287	283.262.828.436
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.990.096.729.092	2.005.729.829.575

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:


 Võ Thị Lan Anh
 Kế toán viên


 Nguyễn Đình Phúc
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Trâm
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2018


Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

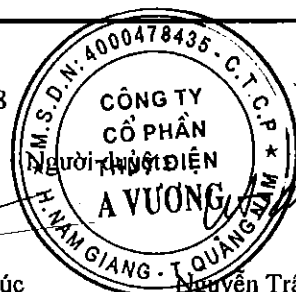
	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	441.927.029.411	397.242.034.232
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	214.084.387.310	170.427.889.568
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		227.842.642.101	226.814.144.664
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	6.916.524.448	2.179.488.225
Chi phí tài chính	22		29.745.583.609	48.134.558.415
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>29.745.583.609</i>	<i>48.134.558.415</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	10.718.128.010	10.394.181.893
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		194.295.454.930	170.464.892.581
Thu nhập khác	31		145.282.214	227.664.868
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31)	40		145.282.214	227.664.868
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		194.440.737.144	170.692.557.449
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	9.722.036.857	8.534.627.872
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		184.718.700.287	162.157.929.577
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.461	2.161


Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:


 Võ Thị Lan Anh
 Kế toán viên


 Nguyễn Đình Phúc
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Trâm
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Chưa soát xét
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	194.440.737.144	170.692.557.449
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	131.868.878.533	103.460.684.093
Các khoản dự phòng	03	(262.013.942)	(213.119.412)
Lãi tiền gửi	05	(6.916.524.448)	(2.179.488.225)
Chi phí lãi vay	06	29.745.583.609	48.134.558.415
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	348.876.660.896	319.895.192.320
Biến động các khoản phải thu	09	(63.020.591.924)	(254.851.473.070)
Biến động hàng tồn kho	10	(1.146.748.692)	(1.060.746.307)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(117.939.463.794)	159.863.653.346
Biến động chi phí trả trước	12	288.392.646	9.170.109.645
		167.058.249.132	233.016.735.934
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.769.485.888)	(3.475.022.180)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.308.614.361)	(18.910.233.164)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.494.868.356)	(4.924.307.646)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	144.485.280.527	205.707.172.944
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	-	(2.380.998.001)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	7.913.969.986	2.179.488.225
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	7.913.969.986	(201.509.776)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	-	250.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(19.400.000.000)	(117.845.646.060)
Tiền trả cổ tức	36	(79.644.974.895)	(71.361.219.865)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(99.044.974.895)	60.793.134.075
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	53.354.275.618	266.298.797.243
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	299.252.304.891	26.510.671.392
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 6)	70	352.606.580.509	292.809.468.635

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Võ Thị Lan Anh
Kế toán viên



Nguyễn Đình Phúc
Kế toán trưởng



Nguyễn Trâm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 8 tháng 1 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo thông báo ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là AVC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 164 nhân viên (1/1/2018: 165 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	9 - 10 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7 năm
▪ tài sản khác	4 - 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ được cung cấp và chấp nhận bởi người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Do hoạt động kinh doanh thủy điện phụ thuộc vào lượng nước, sản lượng bán điện thông thường sẽ thấp từ tháng 1 đến tháng 6 và cao hơn từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm. Mặt khác, doanh thu bán điện phụ thuộc vào việc phát triển và hoàn thành các dự án thủy điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các điều kiện thị trường tại thời điểm các dự án đi vào hoạt động thương mại.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	2.063.038.270	45.683.622
Tiền gửi ngân hàng	4.424.444.693	3.573.461.079
Các khoản tương đương tiền	346.119.097.546	295.633.160.190
	352.606.580.509	299.252.304.891

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 4,8% đến 6,5% một năm (1/1/2018: 4,3% đến 5,5% một năm).

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm 233.500 triệu VND (1/1/2018: 183.500 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	156.505.251.862	95.287.893.789
Các khách hàng khác	6.846.598.147	7.853.286.619
	163.351.850.009	103.141.180.408

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	156.505.251.862	95.287.893.789
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	116.168.137	470.614.975
Công ty Truyền tải điện 2	8.100.000	8.100.000

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	3.574.284.440	-	3.380.157.690	-
Dịch vụ dở dang	4.304.721.960	-	3.228.356.689	-
	7.879.006.400	-	6.608.514.379	-

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	11.401.824.406	-	11.525.567.735	-

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.975.598.150.417	1.280.724.561.182	34.768.562.978	2.673.321.867	437.455.844	3.294.202.052.288
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	743.845.008.495	1.096.365.123.672	27.853.533.979	2.658.616.873	430.818.196	1.871.153.101.215
Khấu hao trong kỳ	41.169.394.746	89.019.523.830	1.640.350.265	8.036.380	6.637.648	131.843.942.869
Số dư cuối kỳ	785.014.403.241	1.185.384.647.502	29.493.884.244	2.666.653.253	437.455.844	2.002.997.044.084
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	1.231.753.141.922	184.359.437.510	6.915.028.999	14.704.994	6.637.648	1.423.048.951.073
Số dư cuối kỳ	1.190.583.747.176	95.339.913.680	5.274.678.734	6.668.614	-	1.291.205.008.204

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 9,8 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 9,4 tỷ VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018, toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Dự án A Vương đã được dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	82.503.102.235
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	500.456.095
Khấu hao trong kỳ	24.935.664
Số dư cuối kỳ	525.391.759
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	82.002.646.140
Số dư cuối kỳ	81.977.710.476

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 1 tháng 1 năm 2018, toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty đã được dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).



Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	% sở hữu và quyền biểu quyết	Nguyên giá VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Nguyên giá VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ (*)	12,91%	79.800.000,000	(6.511.189.946)	12,91%	79.800.000,000	(6.511.189.946)

(*)

Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4000455251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 24 tháng 1 năm 2007. Hoạt động chính của công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tập đoàn điện lực Việt Nam	842.002.262	118.370.897
Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam	574.646.116	574.646.116
Công ty Cổ phần Phát triển Quảng Nam	339.101.432	4.283.686.455
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	205.481.454	3.142.168.958
Các nhà cung cấp khác	1.316.346.694	5.620.708.800
	<hr/>	<hr/>
	3.277.577.958	13.739.581.226

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) – công ty mẹ cấp cao nhất	842.002.262	118.370.897
Tổng công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên – công ty mẹ	-	13.023.929

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ cấp cao nhất và công ty mẹ không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/cần trừ trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.660.984.848	46.156.242.809	(44.701.555.074)	8.115.672.583
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.636.782.071	9.722.036.857	(12.308.614.361)	5.050.204.567
Thuế thu nhập cá nhân	613.805.447	3.412.589.739	(3.830.694.893)	195.700.293
Thuế tài nguyên	8.022.073.620	32.122.338.317	(35.087.946.557)	5.056.465.380
Thuế bảo vệ môi trường	7.380.885.648	21.630.736.096	(14.260.965.456)	14.750.656.288
Thuế khác	-	13.469.437	(13.469.437)	-
	30.314.531.634	113.057.413.255	(110.203.245.778)	33.168.699.111

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí lãi vay	49.494.454.077	26.518.356.356
Khác	7.600.543.882	4.454.180.692
	57.094.997.959	30.972.537.048

15. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Cổ tức phải trả	3.008.667.310	96.385.005
Các khoản phải trả khác	673.666.211	9.627.549.399
	3.682.333.521	9.723.934.404

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay ngắn hạn và dài hạn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn	526.451.011.919	645.851.011.919
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(252.911.147.799)	(39.600.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	273.539.864.120	606.251.011.919

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Khoản vay từ các bên liên quan				
▪ Tập đoàn điện lực Việt Nam (a)				
- Khoản vay 1 (i)	VND	2019	227.911.147.799	327.911.147.799
- Khoản vay 2 (ii)	VND	2019	50.000.000.000	50.000.000.000
- Khoản vay 3 (iii)	VND	2021	57.469.864.120	57.469.864.120
- Khoản vay 4 (iv)	VND	2020	15.570.000.000	15.570.000.000
▪ Công ty Cổ phần Tài chính Điện Lực (b)	VND	2019	-	19.400.000.000
▪ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên (c)	VND	2019	175.500.000.000	175.500.000.000
			526.451.011.919	645.851.011.919

(a) Khoản vay này bao gồm 4 khoản:

- (i) Khoản vay lại từ nguồn tài trợ bằng trái phiếu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được bảo đảm bằng tài sản cố định hình thành từ khoản vay, chịu lãi suất năm là lãi suất bình quân liên ngân hàng cộng 3% và phải hoàn trả sau 60 tháng kể từ ngày giải ngân, là ngày 10 tháng 4 năm 2019.
- (ii) Khoản vay lại từ nguồn tài trợ bằng khoản vay của Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND, được bảo đảm bởi Tập đoàn Điện lực Việt Nam, chịu lãi suất năm là lãi suất bình quân liên ngân hàng cộng 1,5% và phải hoàn trả sau 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Kỳ hoàn trả đầu tiên là vào ngày 20 tháng 8 năm 2016.
- (iii) Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hình thành từ khoản vay, chịu lãi suất năm là lãi suất bình quân liên ngân hàng cộng tối đa 3,3% và phải hoàn trả sau 60 tháng kể từ ngày giải ngân, là ngày 1 tháng 7 năm 2021.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (iv) Khoản vay lại từ nguồn tài trợ bằng trái phiếu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được bảo đảm bằng tài sản cố định hình thành từ khoản vay, chịu lãi suất năm là lãi suất bình quân liên ngân hàng cộng 3% và phải hoàn trả sau 60 tháng kể từ ngày giải ngân, là ngày 31 tháng 3 năm 2020.
- (b) Khoản vay này có hạn mức tín dụng tối đa là 100 tỷ VND, được bảo đảm bằng tài sản cố định hình thành từ khoản vay và chịu lãi suất năm là lãi suất bình quân liên ngân hàng cộng 1,5%. Khoản vay này đã được hoàn trả đầy đủ trong kỳ.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tín dụng tối đa là 250 tỷ VND, được bảo đảm bằng các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh 6), chịu lãi suất năm là lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của 4 ngân hàng quốc doanh cộng 0,5% và phải hoàn trả sau 24 tháng kể từ ngày giải ngân, là ngày 9 tháng 12 năm 2019.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
		Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	7.384.902.979	8.565.459.917
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 18)	10.716.898.125	10.504.256.250
Sử dụng trong kỳ	(3.494.868.356)	(4.924.307.646)
Số dư cuối kỳ	14.606.932.748	14.145.408.521

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	750.520.520.000	27.225.134.733	21.637.670.934	248.661.775.144	1.048.045.100.811
Chuyển quỹ	-	1.586.786.364	(1.586.786.364)	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	162.157.929.577	162.157.929.577
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(71.299.449.000)	(71.299.449.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	940.885.757	(11.445.142.007)	(10.504.256.250)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	750.520.520.000	28.811.921.097	20.991.770.327	328.075.113.714	1.128.399.325.138
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	188.651.745.659	188.651.745.659
Cổ tức	-	-	-	(67.546.846.800)	(67.546.846.800)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	750.520.520.000	28.811.921.097	20.991.770.327	449.180.012.573	1.249.504.223.997
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	184.718.700.287	184.718.700.287
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(82.557.257.200)	(82.557.257.200)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	8.890.679.968	(19.607.578.093)	(10.716.898.125)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	750.520.520.000	28.811.921.097	29.882.450.295	531.733.877.567	1.340.948.768.959

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	75.052.052	750.520.520.000	75.052.052	750.520.520.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	75.052.052	750.520.520.000	75.052.052	750.520.520.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017.

20. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 150 tỷ VND, tương ứng 2.000 VND/cổ phiếu của Công ty (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: 71,3 tỷ VND, tương ứng 950 VND/cổ phiếu). Công ty đã tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 67,5 tỷ VND trong năm 2017, theo đó, Công ty tiếp tục phân phối phần cổ tức còn lại là 82,6 tỷ VND.

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng một năm	1.935.360.000	1.935.360.000
Từ hai đến năm năm	161.280.000	1.128.960.000
	2.096.640.000	3.064.320.000

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp; không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Tổng doanh thu bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Chưa soát xét
Bán điện thương phẩm	438.037.226.938	395.822.193.853
Cung cấp dịch vụ	3.889.802.473	1.419.840.379
	441.927.029.411	397.242.034.232

24. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Chưa soát xét
Bán điện thương phẩm	210.406.998.104	169.295.000.339
Cung cấp dịch vụ	3.677.389.206	1.132.889.229
	214.084.387.310	170.427.889.568

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lãi tiền gửi	6.916.524.448	2.179.488.225

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	5.437.772.265	5.197.997.958
Chi phí khấu hao và phân bổ	248.723.826	329.829.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	885.633.192	1.067.760.616
Chi phí khác	4.145.998.727	3.798.593.815
	10.718.128.010	10.394.181.893

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	58.306.909	246.213.099
Chi phí nhân công và nhân viên	22.432.600.263	21.038.737.740
Chi phí khấu hao và phân bổ	131.868.878.533	103.460.684.093
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.577.681.168	3.122.764.943
Chi phí khác	64.865.048.447	52.953.671.586

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí thuế hiện hành	9.722.036.857	8.534.627.872
Kỳ hiện hành		

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lợi nhuận kế toán trước thuế	194.440.737.144	170.692.557.449
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	19.444.073.714	17.069.255.745
Ưu đãi thuế	(9.722.036.857)	(8.534.627.872)
	9.722.036.857	8.534.627.872

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm có doanh thu hoạt động đầu tiên (từ năm 2009 đến năm 2023) và 20% cho những năm tiếp theo.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2013 đến năm 2021). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lợi nhuận thuần trong kỳ	184.718.700.287	162.157.929.577
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	184.718.700.287	162.157.929.577

(*) Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 30 tháng 6 năm 2017. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ trình bày là 75.052.052 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Chưa soát xét
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Bán điện	438.037.226.938	395.822.193.853
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	842.002.262	414.083.775
Trả nợ gốc vay trong kỳ	104.054.936.337	45.045.646.060
Trả nợ lãi vay trong kỳ	-	10.375.448.230
Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ	20.318.885.461	33.038.176.875
Tổng công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên		
Cổ tức	72.193.287.100	62.348.748.000
Vay nợ trong kỳ	-	250.000.000.000
Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ	6.142.500.000	3.890.250.000
Thuê văn phòng	1.128.960.000	-
Công ty Cổ phần thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi		
Cổ tức	2.882.159.452	2.450.115.600
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Cổ tức	2.183.780.232	1.856.425.400
Tổng Công ty Phát điện 1		
Cổ tức	2.037.957.373	1.732.461.800
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng		
Cổ tức	1.018.386.401	865.727.400
Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà Nội		
Cổ tức	655.608.345	557.330.800
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng		
Cổ tức	436.281.771	370.881.900
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ		
Bán dịch vụ	-	253.347.000

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế Thuê văn phòng	-	299.454.546
Ban Giám đốc Tiền lương và thưởng	633.300.000	473.076.250
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Thù lao	576.701.000	594.754.000

31. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Cán trừ công nợ phải thu và tiền gốc vay với Tập đoàn Điện lực Việt Nam	100.000.000.000	-

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được mang sang từ số liệu trong báo cáo tài chính chưa được soát xét của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Võ Thị Lan Anh
Kế toán viên



Nguyễn Đình Phúc
Kế toán trưởng



Nguyễn Trâm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị